

Số: 210../TKDK-TCKT.

Tp.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2025

V/v: Giải trình các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng năm 2023.

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

*Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020*

Chúng tôi xin giải trình các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán 2023 như sau:

1. Cơ sở ý kiến ngoại trừ:

1.1 Do thời điểm được bổ nhiệm kiểm toán cách xa thời điểm kết thúc năm tài chính nên chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục chứng kiến kiểm kê các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định với giá trị tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 1,83 tỷ VND, 6,31 tỷ VND và 0,27 tỷ VND. Vì vậy chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1.2 Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhận khoản mục Hàng tồn kho (mã số 140) và khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn (mã số 315) trên Báo cáo tài chính riêng với giá trị tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 6,31 tỷ VND và 46,87 tỷ VND, khoản mục Giá vốn hàng bán (mã số 11) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng với giá trị là 75,75 tỷ VND do việc ghi nhận giá vốn trong năm theo tỷ lệ kế hoạch chưa theo chi phí thực tế phát sinh, do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không cũng như ảnh hưởng của nó đến số liệu các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1.3 Tại thời điểm 31/12/2023, số dư các khoản công nợ phải thu chưa có xác nhận số dư 115,62 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2023 là 129,79 tỷ VND), số dư các khoản công nợ phải trả chưa có xác nhận số dư là 226,07 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2023 là 207,35 tỷ VND). Trong đó, Tổng Công ty đang theo dõi một số khoản phải thu tồn đọng đã lâu và số dư phòng phải thu khó đòi đã trích với tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 106,61 tỷ VND và 69,68 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 lần lượt là 98,36 tỷ VND và 63,25 tỷ VND). Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm hay không.

1.4 Theo thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 33 của Báo cáo tài chính riêng, trong năm 2022 Tổng Công ty đã ghi nhận vào Chi phí quản lý doanh nghiệp đối với khoản tiền thuê văn phòng phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 11/05/2022 về việc điều chỉnh tiền thuê văn phòng cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 với số tiền là 42,60 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ cần thiết để đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhận khoản chi phí này cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1.5 Theo thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 33 của Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty và công ty con là Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd phát sinh vụ kiện với tổng thầu của dự án tổ hợp lọc hóa dầu Rapid tại Malaysia, liên



quan đến các phụ phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ còn phải trả cho tổng thầu theo phán quyết cuối cùng của Hội đồng Trọng tài là 12.099.227,99 USD, tương đương với 295,52 tỷ VND (chưa bao gồm lãi chậm thanh toán đến thời điểm 31/12/2023). Đồng thời theo thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 38, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố giảm chi phí dự phòng phải thu khó đòi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2022 với số tiền 21,99 tỷ VND, đồng thời điều chỉnh hồi tố ghi nhận tăng chi phí dự phòng phải thu khó đòi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2021 với số tiền 438,15 tỷ VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Liên quan đến dự án nêu trên, Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm 31/12/2023 đang trình bày các số dư các khoản mục liên quan bao gồm: Đầu tư tài chính dài hạn và Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đã trích với số tiền 5,35 tỷ VND, các khoản phải thu bao gồm khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền 70,95 tỷ VND, khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn với số tiền 238,92 tỷ VND, khoản mục Phải thu khác ngắn hạn với số tiền 132,77 tỷ VND và khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền 442,63 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi liên quan đến việc thực hiện dự án, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không cũng như ảnh hưởng của nó đến số liệu các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1.6 Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty (đính kèm) đang phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 có lỗ lũy kế (mã số 421) là 760,39 tỷ VND; Vốn chủ sở hữu (mã số 400) tại thời điểm cuối năm âm 474,69 tỷ VND; Nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) lớn gấp 5,24 lần Tài sản ngắn hạn (mã số 100); Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm nay là âm 127,99 tỷ VND; Số dư các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 481,69 tỷ VND. Các vấn đề này cùng với các giải trình của Ban Tổng Giám đốc tại Thuyết minh số 2.3 và các cơ sở ý kiến mà chúng tôi đã nêu trên đây cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty vẫn đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

1.7 Tại Thuyết minh số 33 của Báo cáo tài chính riêng đang trình bày thông tin về việc Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 11/NQ-TKDK-ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/04/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 29/NQ-TKDK-ĐHĐCĐ thông qua ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty theo Bản án phúc thẩm số 505/2023/QĐDS-PT ngày 25/04/2023. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định, đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm (nếu có).

## 2. Giải trình của đơn vị:

### \* Với các nội dung ngoại trừ trên BCTC:

Đối với các mục từ 1.1 đến 1.3, do tình hình thực tế của đơn vị đến 08/01/2025 mới tổ chức được Đại hội cổ đông bất thường để thông qua danh sách đơn vị kiểm toán BCTC, cũng như đến 12/02/2025 mới lựa chọn được đơn vị kiểm toán và tiến hành ký hợp đồng, nên không thể tiến hành các mục trên theo đúng thời gian.

Đối với mục 1.4 khoản chi phí thuê văn phòng, do trước đây các bên có ghi nhớ sẽ xem xét lại đơn giá thuê (năm 2011-2013) phù hợp cho các bên hợp doanh. Đơn giá



và hóa đơn đã phát và cho PVE. Đến nay, phần vốn góp 20% của PVE tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã bán đầu giá trả nợ vay của Vietcombank, đơn vị trúng đầu giá là PV Gas, do đó PVE phải quyết toán với Hợp doanh và hạch toán khoản thuê văn phòng còn thiếu của năm 2011-2013. Các khoản này đã được hai bên tiến hành đối chiếu công nợ hoàn tất đến ngày 31/12/2024.

Đối với mục 1.5, vụ kiện liên quan dự án tổ hợp lọc hóa dầu Rapid tại Malaysia: đã có phán quyết từ Hội đồng Trọng tài (ICC) tuy nhiên do phán quyết không đề cập phân chia giá trị cụ thể cho các bên liên quan (hợp đồng thi công có phân chia phạm vi công việc giữa các thành viên tham gia thực hiện dự án). Bên đối tác cũng đã đưa vụ việc ra tòa án TPHCM, hiện tòa án TPHCM cũng đang trong quá trình thụ lý, xem xét các nội dung trình bày của các bên liên quan. Vì vậy, chúng tôi cũng không có đủ thông tin khách quan để xác định hiện trạng các khoản ghi nhận sẽ có kết quả cuối cùng cho các bên ra sao. Nên chúng tôi chỉ đánh giá về khả năng thu hồi công nợ liên quan đến đơn vị thành viên Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd là khó đòi và tiến hành trích dự phòng khoản liên quan này.

Đối với mục 1.6 vấn đề hoạt động liên tục: do chúng tôi là đơn vị hoạt động dựa trên nòng cốt là cán bộ công nhân viên, là các kỹ sư trình độ chuyên môn cao, thực hiện các công trình có hàm lượng chất xám cao, chúng tôi tin rằng, giữ được lực lượng lao động hiện tại là đơn vị còn có khả năng phục hồi. Điều này cũng đã thể hiện trong khoảng thời gian vừa qua, chúng tôi vẫn duy trì được công việc đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu đã đề ra.

Đối với mục 1.7, chúng tôi đã thực hiện được Đại hội cổ đông bất thường ngày 08/01/2025 để cơ cấu lại nhân sự theo đúng quy định và phục vụ hoạt động của Công ty không bị gián đoạn.

Các ý kiến đã nêu của đơn vị kiểm toán đều dựa theo các chuẩn mực kế toán, kiểm toán hiện hành, việc ngoại trừ của kiểm toán viên là hợp lý và chúng tôi phải chấp nhận. Trước đây, Công ty xác định các nội dung trên có thể được xử lý sớm trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, thực tế đến hiện nay, các vấn đề trên vẫn vướng mắc chưa thể giải quyết xong liên quan đến các thủ tục quyết toán dự án tranh chấp cũng như pháp lý liên quan đến vụ kiện. Công ty nhận thấy khó có thể giải quyết tất cả các vấn đề đã nêu trong thời gian ngắn nên đồng ý với ý kiến ngoại trừ, đồng thời trích lập các khoản dự phòng liên quan đến các dự án chưa thể xử lý, thỏa thuận sớm với các đối tác.

*\* Về lợi nhuận sau thuế thay đổi trên 10%, từ có lãi năm trước sang lỗ năm nay:*

Năm 2023, do có phán quyết của Hội đồng Trọng tài (ICC), nên đối tác đã yêu cầu các ngân hàng thực hiện khấu trừ khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Công ty chúng tôi. Do vậy, trong kỳ chúng tôi phải ghi nhận khoản nợ bắt buộc này dẫn đến lợi nhuận giảm sâu.

Bên cạnh đó, khoản phải thu còn lại với tổng thầu của dự án tổ hợp lọc hóa dầu Rapid được đánh giá là khó thu hồi nên ghi nhận trích dự phòng phải thu khó đòi vào kết quả kinh doanh. Điều này cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

  
*Ngô Ngọc Thường*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.